|  |  |
| --- | --- |
| **Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam** |  |

**BM01A-P1**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ KIÊM HỢP ĐỒNG**

**MỞ, SỬ DỤNG TÀI KHOẢN THANH TOÁN & DỊCH VỤ NGÂN HÀNG *–*** *Dành cho cá nhân*

*Số: 1014033………………………………… ngày … tháng … năm …*

**A- PHẦN ĐỀ NGHỊ**

***Đề nghị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh******Nam Thăng Long PGD Thành Đô***

🗌 Mở tài khoản 🗌 Cung cấp dịch vụ 🗌 Thay đổi thông tin Tài khoản/Thẻ số[[1]](#footnote-1)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **THÔNG TIN KHÁCH HÀNG (KH)[[2]](#footnote-2)** | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Họ tên | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Ngày sinh | | | | | | | | | | Trình độ học vấn | | | 🗌 Sau đại học | | | | 🗌 Đại học | |
| 🗌 Nam 🗌 Nữ | | | | | | | | | | 🗌 Cao đẳng | | | | 🗌 Khác | |
| Quốc tịch | | | | | | | | | | Nghề nghiệp | | | 🗌 Tài chính ngân hàng | | | | 🗌 Công nhân | |
| Thị thực nhập cảnh | | | | | | | | | | 🗌 Nhân viên văn phòng | | | | 🗌 Công an, bộ đội | |
| Số CCCD/CMND/HC | | | | | | | | | | 🗌 Kinh doanh | | | | 🗌 Hưu trí | |
| Ngày cấp Nơi cấp | | | | | | | | | | 🗌 Giáo viên | | | | 🗌 Nội trợ | |
| Tình trạng cư trú 🗌 Cư trú 🗌 Không cư trú | | | | | | | | | | 🗌 Học sinh/Sinh viên | | | | 🗌 Khác | |
| Tình trạng hôn nhân 🗌 Độc thân 🗌 Đã lập gia đình 🗌 Khác | | | | | | | | | | Chức vụ | | | 🗌 Giám đốc/Phó Giám đốc | | | | 🗌 Trưởng/Phó phòng | |
| Điện thoại | | | | | | | | | |
| Email | | | | | | | | | | 🗌 Nhân viên | | | | 🗌Khác | |
| Địa chỉ hiện tại | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Địa chỉ thường trú | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Địa chỉ nước ngoài | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Nơi công tác | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **THÔNG TIN FATCA** | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 🗌 | Tôi là công dân Mỹ hoặc đối tượng cư trú Mỹ, hoặc có địa chỉ thường trú ở Mỹ hoặc có thẻ xanh hoặc là đối tượng nộp thuế thu nhập Mỹ *(Nếu có, vui lòng điền Mẫu W-8BEN hoặc W-9 và cung cấp Mã số thuế Mỹ tương ứng)* Mã số thuế Mỹ | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 🗌 | Tôi không thuộc đối tượng nêu trên tại thời điểm hiện tại. | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **THÔNG TIN TÀI KHOẢN THANH TOÁN (TKTT)** & **DỊCH VỤ** | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1. **Thông tin tài khoản** | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Loại tài khoản** | | | | | | 🗌 TKTT | | | | | | 🗌 TKTT chuyên dùng | | | | 🗌 Khác | | |
| **Loại tiền** | | | | | | 🗌 VND | | | | | | 🗌 USD | | | | 🗌 Khác | | |
| **Gói TKTT VND**  *KH lựa chọn bổ sung phương thức xác thực giao dịch iPay (Mục 2) & Loại thẻ (Mục 3)* | | | | | 🗌 Standard A/c | 🗌 Silver A/c | | | | | | 🗌 Gold A/c | | | | 🗌 Premium A/c | | |
| *Gồm: VietinBank iPay, SMS Banking biến động số dư, Thẻ Ghi nợ nội địa* | | | | | | | | | | | *Gồm: VietinBank iPay, SMS Banking biến động số dư; Thẻ ghi nợ quốc tế* | | |
| 1. **Dịch vụ ngân hàng điện tử** | | | | | 🗌 Có | | | | | | | 🗌 Không | | | | | | |
| **Internet và Mobile Banking (iPay)** | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| *-* Loại dịch vụ | | | | | | | | | | | | 🗌 Chuẩn | | | 🗌 Khác | | | |
| *-* Phương thức xác thực giao dịch iPay (*có thể lựa chọn cả 02 phương thức)* | | | | | | | | | | | | 🗌 SMS | | | 🗌 RSA | | | |
| **SMS Banking** | | | | | | | | | | | | 🗌 Biến động số dư TK | | | 🗌 Dịch vụ tài chính | | | |
| **Bankplus** | | | | | | | | | | | | 🗌 Vấn tin & Giao dịch tài chính | | | | | | |
| 1. **Dịch vụ thẻ** | | | | | 🗌 Có | | | | | | | 🗌 Không | | | | | | |
| **Tên in trên thẻ** (chữ in, không có dấu, tối đa 19 ký tự, gồm cả ký tự trống)   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Thẻ ghi nợ nội địa** | | 🗌 S – Card | | | 🗌 C - Card | | 🗌 Pink - Card | | | | | 🗌 G – Card | | 🗌 Thẻ BHXH | | | | 🗌 Khác |
| **Thẻ ghi nợ quốc tế** | | ***\**** *Loại thẻ* | | | 🗌 Visa Debit  🗌 Visa Debit Sống khỏe | | | 🗌 Master Card Debit | | | | | | 🗌 Thẻ Liên kết | | | | 🗌 Khác |
| ***\**** *Hạng thẻ* | | | 🗌 Bạch Kim | | | 🗌 Vàng | | | | | | 🗌 Chuẩn | | | | |
| **Thẻ phụ** | | 🗌 Có | | | | | | 🗌 Không | | | | | | | | | | |
| ***Thông tin thẻ phụ thứ nhất*** | | | | | | | | ***Thông tin thẻ phụ thứ hai*** | | | | | | | | | | |
| Họ tên 🗌 Nam 🗌 Nữ | | | | | | | | Họ tên 🗌 Nam 🗌 Nữ | | | | | | | | | | |
| Ngày sinh Điện thoại | | | | | | | | Ngày sinh Điện thoại | | | | | | | | | | |
| Số CCCD/CMND/HC | | | | | | | | Số CCCD/CMND/HC | | | | | | | | | | |
| Ngày cấp Nơi cấp | | | | | | | | Ngày cấp Nơi cấp | | | | | | | | | | |
| Địa chỉ | | | | | | | | Địa chỉ | | | | | | | | | | |
| **Dịch vụ bổ sung** | | | 🗌 Sử dụng thẻ thanh toán qua Internet | | | | | 🗌 Dịch vụ khác | | | | | | | | | | |
| **4. Dịch vụ hóa đơn tổng** | | | | 🗌 Có | | | | | 🗌 Không | | | | | | | | | |
| **5. Yêu cầu khác:** | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **THÔNG TIN, MẪU CHỮ KÝ GIAO DỊCH** | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **1. Chủ tài khoản** | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Họ tên  Số CCCD/CMND/HC  🗌 Tôi đăng ký mới/thay đổi chữ ký mẫu đã đăng ký để thực hiện các giao dịch cá nhân của tôi tại VietinBank *(KH vui lòng ký chữ ký mẫu và ghi rõ họ tên)*  🗌 Tôi sử dụng chữ ký mẫu của tôi đã đăng ký giao dịch của TKTT số/trên Giấy đăng ký thông tin KH ngày ……………………………………………..…..… tại VietinBank để tiếp tục giao dịch TKTT được mở theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng mở, sử dụng TKTT và dịch vụ ngân hàng này *(KH vui lòng gạch chéo vào ô “Chữ ký mẫu”)* | | | | | | | | | | | Chữ ký mẫu thứ nhất  (ký, ghi rõ họ tên) | | | | Chữ ký mẫu thứ hai  (ký, ghi rõ họ tên) | | | |
| **2. Người được ủy quyền** | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Họ tên  Số CCCD/CMND/HC  Ngày cấp Nơi cấp  Điện thoại  Địa chỉ: | | | | | | | | | | | Chữ ký mẫu thứ nhất  (ký, ghi rõ họ tên) | | | | Chữ ký mẫu thứ hai  (ký, ghi rõ họ tên) | | | |

**B – PHẦN HỢP ĐỒNG**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **THÔNG TIN CÁC BÊN** | | |
| **Bên cung cấp dịch vụ -** Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánhNam Thăng Long PGD Thành Đô | | **Bên sử dụng dịch vụ -** Khách hàng |
| Người đại diện: Nguyễn Thúy Vân | | Họ tên |
| Chức vụ: Phó PGD Thành Đô | | Số CCCD/CMND/HC |
| Theo giấy ủy quyền số 094/UQ/HĐQT-NHCT18 ngày 02/02/2018 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam | | *(Các thông tin khác có liên quan của khách hàng (nếu có) được thể hiện cụ thể tại Phần A của văn bản này)* |
| **Khách hàng đề nghị mở TKTT và sử dụng dịch vụ ngân hàng với các thông tin cụ thể đã nêu tại Phần A - Phần đề nghị của văn bản này và Ngân hàng đồng ý cung ứng dịch vụ theo các thoả thuận cụ thể sau:** | | |
| **THỎA THUẬN CỤ THỂ** | | |
| 1. KH cam đoan và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của các thông tin trên Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng mở, sử dụng TKTT và dịch vụ ngân hàng (“*Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng*”) và các giấy tờ kèm theo.  2. Các nội dung cụ thể liên quan đến mở và sử dụng TKTT, phát hành và sử dụng thẻ ngân hàng, dịch vụ ngân hàng được quy định tại Bản điều khoản điều kiện về mở, sử dụng TKTT & dịch vụ tại VietinBank (“*Điều kiện giao dịch chung*”), Phụ lục Hợp đồng. Khách hàng xác nhận đã đọc, hiểu rõ, đồng ý với các quy định trong Điều kiện giao dịch chung, Phụ lục Hợp đồng và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng. Bản Điều kiện giao dịch chung, Phụ lục Hợp đồng và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng này là một bộ Hợp đồng hoàn chỉnh về mở, sử dụng TKTT và dịch vụ ngân hàng.  3. Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng này gồm 04 trang, được lập thành hai (02) bản, mỗi Bên giữ một (01) bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau để thực hiện./. | | |
| **Đại diện Ngân hàng**  *Ký, họ tên, đóng dấu* | **Khách hàng**  *Ký, họ tên* | |
| **DÀNH CHO NGÂN HÀNG** | | |
| Số HSKH | Số thẻ phát hành | |
| Số hiệu tài khoản | Ngày phát hành thẻ | |
| Ngày bắt đầu hoạt động của TK | Ngày hiệu lực của thông tin thay đổi (nếu có) | |
| **Giao dịch viên** | **Kiểm soát viên** | |

**PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG**

*(Kèm theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng mở, sử dụng TKTT & dịch vụ ngân hàng số* ......................*ngày*.......... *tháng*........*năm*.............*)*

**I. Thoả thuận chung**

1. Khi khách hàng mở TKTT và sử dụng dịch vụ tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank), tuỳ theo dịch vụ đăng ký Quý khách hàng phải tuân thủ các nội dung thoả thuận, quy định theo từng loại hình dịch vụ.

2. Khách hàng (KH) cam kết đã được VietinBank cung cấp đầy đủ các điều kiện giao dịch trước khi ký kết Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng này và xác nhận đã đọc, hiểu rõ, đồng ý và tuân thủ các quy định cụ thể tại Điều kiện giao dịch chung được niêm yết trên website www.[vietinbank.vn](http://vietinbank.vn) là bộ phận không thể tách rời Giấy đề nghị kiêm hợp đồng này. Khi sửa đổi/bổ sung/thay thế Điều kiện giao dịch chung trong trường hợp quy định của Pháp luật có sự thay đổi hoặc theo thỏa thuận của KH và VietinBank, VietinBank có trách nhiệm thông báo công khai trên website www.[vietinbank.vn](http://vietinbank.vn) và thông báo cho KH theo phương thức KH đăng ký hoặc thỏa thuận với Vietinbank tối thiểu 07 ngày trước khi có hiệu lực. Nếu không đồng ý với các nội dung sửa đổi, KH có quyền chấm dứt việc sử dụng tài khoản và/hoặc các dịch vụ đã đăng ký; nếu tiếp tục sử dụng tài khoản và/hoặc các dịch vụ được hiểu là KH chấp thuận hoàn toàn các sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

3. KH đồng ý cho VietinBank được tự động trích Nợ từ bất kỳ TKTT nào của KH mở tại VietinBank để thanh toán phí dịch vụ theo biểu phí của VietinBank quy định trong từng thời kỳ được công khai tại các Điểm giao dịch và/hoặc trên website www.[vietinbank.vn](http://vietinbank.vn) hoặc theo thoả thuận giữa KH và VietinBank. Trường hợp thay đổi mức phí, VietinBank sẽ thông báo công khai tại các Điểm giao dịch và/hoặc trên website www.[vietinbank.vn](http://vietinbank.vn) và thông báo cho KH theo phương thức KH đăng ký hoặc thỏa thuận với Vietinbank. Thời gian từ khi thông báo/cập nhật đến khi áp dụng các thay đổi về phí tối thiểu là 07 ngày.

4. KH được quyền đề nghị tra soát, khiếu nại trong quá trình sử dụng TKTT, sử dụng thẻ trong vòng 60 ngày kể từ ngày phát sinh giao dịch đề nghị tra soát, khiếu nại theo hai hình thức: Thông báo đến tổng đài điện thoại của Trung tâm dịch vụ khách hàng VietinBank – 1900558868 (có ghi âm) hoặc tại Điểm giao dịch của VietinBank cho phép. Trường hợp ủy quyền cho người khác đề nghị tra soát, khiếu nại, KH thực hiện theo quy định của pháp luật về ủy quyền. Trường hợp KH yêu cầu tra soát, khiếu nại qua điện thoại, KH phải bổ sung văn bản đề nghị tra soát, khiếu nại theo mẫu của VietinBank trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày KH yêu cầu bằng điện thoại để VietinBank làm căn cứ chính thức xử lý tra soát, khiếu nại. Trong thời hạn tối đa 30 ngày làm việc kể từ ngày VietinBank tiếp nhận đề nghị tra soát, khiếu nại lần đầu của KH theo một trong các hình thức tiếp nhận nêu trên, VietinBank có trách nhiệm xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại của KH. Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo kết quả tra soát, khiếu nại cho KH, VietinBank thực hiện bồi hoàn tổn thất cho KH theo thỏa thuận và quy định của pháp luật hiện hành đối với những tổn thất phát sinh do lỗi của VietinBank và/hoặc không thuộc các trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp hết thời hạn xử lý tra soát, khiếu nại mà vẫn chưa xác định được nguyên nhân hay lỗi thuộc bên nào thì trong vòng 15 ngày làm việc tiếp theo, KH và VietinBank thỏa thuận về phương án xử lý tra soát, khiếu nại. Trường hợp KH và VietinBank không thỏa thuận được và/hoặc không đồng ý với quá trình đề nghị tra soát, khiếu nại thì việc giải quyết tranh chấp được thực hiện theo quy định của pháp luật. Trường hợp vụ việc có dấu hiệu tội phạm, thực hiện thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự; đồng thời, thông báo bằng văn bản cho KH về tình trạng xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại. Việc xử lý kết quả tra soát, khiếu nại thuộc trách nhiệm giải quyết của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Các quyền, nghĩa vụ của các Bên và những nội dung khác không quy định tại Phụ lục Hợp đồng này được thực hiện theo quy định tại Điều kiện giao dịch chung và quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận bằng văn bản giữa KH và VietinBank.

**II. Thoả thuận về mở, sử dụng TKTT**

1. VietinBank cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin cho KH biết về số dư và các giao dịch phát sinh trên TKTT và các thông tin cần thiết khác trong quá trình sử dụng TKTT theo phương thức cung cấp dịch vụ KH đã đăng ký tại phần A – Phần đề nghị của Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng này hoặc khi có yêu cầu cung cấp thông tin của KH theo quy định của VietinBank và pháp luật.

2. Các trường hợp phong tỏa, tạm khóa và ngừng tạm khóa, đóng tài khoản TKTT, phạm vi sử dụng và các trường hợp từ chối lệnh thanh toán của KH, quy định về xử lý tra soát, khiếu nại: Các Bên đồng ý thực hiện theo quy định tại Điều kiện giao dịch chung và quy định của pháp luật. Trường hợp phong toả tài khoản, VietinBank có trách nhiệm gửi thông báo bằng văn bản cho KH.

3. Việc thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn, bảo mật trong sử dụng tài khoản, KH đồng ý thực hiện theo các khuyến cáo, hướng dẫn, quy định, điều kiện tại Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng này, Điều kiện giao dịch chung của VietinBank và quy định của pháp luật.

4. KH có trách nhiệm tự quản lý chữ ký và chịu trách nhiệm trong trường hợp chữ ký bị lạm dụng dẫn đến việc tiền trong tài khoản của KH bị tổn thất hoặc tài khoản của KH bị lợi dụng cho các giao dịch không hợp pháp hoặc có phát sinh tranh chấp với bên thứ ba trừ trường hợp do lỗi của VietinBank.

5. VietinBank được quyền đóng tài khoản của KH trong trường hợp tài khoản của KH có số dư bằng 0 (không) và không có giao dịch liên tục trong thời gian 01 (một) năm và các trường hợp khác theo quy định tại Điều kiện giao dịch chung và quy định của pháp luật.

6. KH chấp thuận việc VietinBank sử dụng thông tin trong Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng này để: i/Cung cấp thông tin cho Cơ quan thẩm quyền của Việt Nam và/hoặc Sở Thuế vụ Mỹ theo quy định tại Đạo Luật tuân thủ thuế đối với chủ tài khoản nước ngoài của Mỹ (FATCA); ii/Thực hiện khấu trừ thuế theo quy định của đạo luật FATCA (nếu có); iii/Nhận các thông tin liên quan đến tài khoản. Trách nhiệm bảo mật thông tin KH của Vietinbank được thực hiện theo quy định tại Điều kiện giao dịch chung và quy định của pháp luật.

7. KH cam kết sẽ cung cấp đầy đủ tài liệu theo yêu cầu của FATCA trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng này. Trường hợp có sự thay đổi về trạng thái FATCA, KH sẽ thông báo với VietinBank trong vòng 30 ngày kể từ khi có sự thay đổi.

**III. Thoả thuận về phát hành, sử dụng thẻ ngân hàng**

1. VietinBank cung cấp thông tin cho KH (bao gồm cả chủ thẻ chính và chủ thẻ phụ) biết về số dư tài khoản, lịch sử giao dịch thẻ và các thông tin cần thiết khác trong quá trình sử dụng thẻ khi có yêu cầu của KH theo quy định của Vietinbank được thông báo tại website www.[vietinbank.vn](http://vietinbank.vn) và pháp luật.

2. Chủ thẻ chính và chủ thẻ phụ được sử dụng thẻ để thực hiện các giao dịch thẻ. Thẻ phụ phát hành cho chủ thẻ phụ dưới 15 tuổi không được rút tiền mặt.

3. Hạn mức thanh toán, hạn mức chuyển khoản, hạn mức rút tiền mặt và các hạn mức khác trong việc sử dụng thẻ do VietinBank quy định theo từng thời kỳ và được thông báo trên website www.[vietinbank.vn](http://vietinbank.vn).

4. Thời hạn sử dụng thẻ được áp dụng với từng loại thẻ theo quy định của VietinBank trong từng thời kỳ và được thông báo tại website www.[vietinbank.vn](http://vietinbank.vn). Hết thời hạn này, chủ thẻ liên hệ với VietinBank để được tiếp tục gia hạn sử dụng thẻ.

5. Các trường hợp từ chối thanh toán thẻ, tạm khóa, thu giữ thẻ hoặc hủy hiệu lực của thẻ trong quá trình sử dụng: Các Bên đồng ý thực hiện theo quy định tại Điều kiện giao dịch chung và quy định của pháp luật.

6. Việc thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn, bảo mật trong sử dụng thẻ: KH đồng ý thực hiện theo các khuyến cáo, hướng dẫn, quy định, điều kiện của VietinBank tại website www.[vietinbank.vn](http://vietinbank.vn) và quy định của pháp luật.

7. Chủ thẻ phải bảo quản thẻ, bảo mật PIN, các mã số xác nhận chủ thẻ khác, các thông tin thẻ, thông tin giao dịch, không để lộ thông tin tin thẻ; chịu trách nhiệm về các thiệt hại, tổn thất đối với các giao dịch thẻ trong trường hợp không bảo quản, bảo mật được thẻ và các thông tin trên.

8. Khi mất thẻ hoặc lộ thông tin thẻ, chủ thẻ phải thông báo bằng điện thoại ngay cho VietinBank theo số 1900558868 (có ghi âm) và phối hợp với VietinBank để xử lý. Sau đó, chủ thẻ phải đến một trong các điểm giao dịch của VietinBank trong thời gian 48 tiếng để làm thủ tục báo mất bằng văn bản. Chủ thẻ phải chịu toàn bộ rủi ro và thanh toán mọi phát sinh nếu thẻ bị lợi dụng trong thời gian từ khi phát hiện thẻ bị mất cắp/thất lạc/lộ số PIN, thông tin thẻ/bị lợi dụng đến thời điểm VietinBank khoá thẻ theo quy định tại Hợp đồng, trừ trường hợp xác định được là do lỗi của VietinBank. Trong trường hợp bất khả kháng, chủ thẻ có thể uỷ quyền bằng văn bản cho người khác đến thực hiện thủ tục báo mất; Không sử dụng lại thẻ đã thông báo mất, thất lạc và phải trả lại cho VietinBank thẻ bị mất, thất lạc khi tìm được.

9. VietinBank thực hiện khóa thẻ ngay tại thời điểm nhận đ­ược thông báo lần đầu tiên của chủ thẻ về việc thẻ bị mất cắp/thất lạc/lộ số PIN, thông tin thẻ hoặc nghi ngờ bị lợi dụng và phối hợp với các bên liên quan để thực hiện các biện pháp nghiệp vụ cần thiết khác để ngăn chặn các thiệt hại có thể xảy ra, đồng thời thông báo lại cho chủ thẻ. VietinBank thực hiện ngay các biện pháp để khóa thẻ khi chủ thẻ đề nghị do nghi ngờ có gian lận hoặc tổn thất và chịu trách nhiệm với toàn bộ tổn thất tài chính phát sinh đối với chủ thẻ do việc sử dụng thẻ sau thời điểm khóa./.

1. KH chỉ ghi số thẻ rút gọn: là hình thức số thẻ được ghi 4 hoặc 6 số đầu và 4 số cuối của thẻ [↑](#footnote-ref-1)
2. Trường hợp tích chọn Mở TK: KH khai báo đầy đủ thông tin KH. Trường hợp tích chọn Cung cấp dịch vụ/Thay đổi thông tin TK/Thẻ: KH chỉ cần khai báo họ tên và số CCCD/CMND/HC [↑](#footnote-ref-2)